

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**Đơn vị: Văn phòng Sở Tài chính****Mã số: 1074013****Mã KBNN nơi giao dịch: 0111****Chương: 418***(Đính kèm Quyết định số 1514 /QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)**Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.100.000.000
1	Số thu phí, lệ phí	1.100.000.000
1.1	Lệ phí	100.000.000
	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	100.000.000
1.2	Phí	1.000.000.000
	- Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp (Cung cấp nội dung đăng ký doanh nghiệp)	700.000.000
	- Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp (Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	300.000.000
	- Phí thẩm định dự án trong nước	0
2	Nguồn thu để lại chi	
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
3.1	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
4	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.100.000.000
4.1	Lệ phí	100.000.000
	- Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp (Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	300.000.000
	- Phí thẩm định dự án trong nước	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	391.819.000.000
1	Chi quản lý hành chính (Mã chương, loại khoản: 418-340-341)	390.386.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	131.325.000.000
	- Chi từ ngân sách Thành phố	101.364.000.000
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
	- Kinh phí cho công tác thi đua khen thưởng	549.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố	29.961.000.000
	Trong đó: Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	900.000.000

STT	Nội dung	Tổng số
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	259.061.000.000
	- Chi từ ngân sách Thành phố	167.595.000.000
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố	91.466.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	
	Trong đó:	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	4.923.000.000
	+ Kinh phí Chi thu nhập tăng thêm theo NQ27/HĐND	82.460.000.000
	+ Kinh phí tinh giản biên chế	4.083.000.000
III	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	664.000.000
	Kinh phí xúc tiến đầu tư (Mã chương, loại khoản: 418-280-338)	664.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
	- Chi từ ngân sách Thành phố	0
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố	0
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	0
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	664.000.000
	- Chi từ ngân sách Thành phố	664.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố	0
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	0
IV	Kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ) - (Mã chương, loại khoản: 418-100-103)	769.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
	- Chi từ ngân sách Thành phố	0
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố	0
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	0
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	769.000.000
	- Chi từ ngân sách Thành phố	769.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố	0
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	0

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Sở Tài chính

Mã số: 1074013

Mã KBNN nơi giao dịch: 0111

Chương: 418

(Đính kèm Quyết định số 1514/QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	Tổng chi ngân sách	260.494.000.000
I	Chi quản lý hành chính: Loại 340 - khoản 341	167.595.000.000
1	Trợ cấp thôi việc	2.000.000.000
2	Công tác xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; tiếp dân	408.000.000
3	Kinh phí thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung của Thành phố	41.000.000
4	Thực hiện kiểm soát TTHC	26.000.000
5	Kinh phí duy trì hoạt động ISO	65.000.000
6	Kinh phí chi công tác xây dựng dự toán ngân sách	320.000.000
7	Kinh phí xây dựng VB QPPL	2.511.000.000
8	Mua mới 05 xe công tác	6.480.000.000
9	Mua sắm TSCĐ, CCDC	629.000.000
10	Sửa chữa TSCĐ	4.122.000.000
11	Kinh phí thuê kênh truyền	1.034.000.000
12	Kinh phí thuê phần mềm Quản lý Văn bản	330.000.000
13	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại trụ sở làm việc và 03 kho tài sản	128.000.000
14	Bảo trì phần mềm và cơ sở dữ liệu	133.000.000
15	Thuê dịch vụ vận hành Quản trị hệ thống đường truyền kết nối, thiết bị hạ tầng phòng máy chủ của cơ quan	89.000.000
16	Thù lao Ban Biên tập và chi trả nhuận bút trên Trang Thông tin điện tử	200.000.000
17	Mua thiết bị dự phòng cho hạ tầng phòng máy chủ (firewall, router, Switch, bộ lưu điện...)	462.000.000
18	Kinh phí duy trì hoạt động bảo vệ kho tài sản của Thành phố	1.085.000.000
19	Kinh phí công tác theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án đầu tư (Côn Đảo - Phòng Thẩm định và Giám sát Đầu tư)	963.000.000
20	Kinh phí thực hiện công tác quyết toán ngân sách hàng năm, công tác khoá sổ cuối năm	2.025.000.000

STT	Nội dung	Tổng số
21	Kinh phí vụ kiện VK Housing	125.700.000.000
22	Kinh phí phục vụ thu phí, lệ phí (phục vụ Đăng ký kinh doanh)	1.620.000.000
23	Kinh phí xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (Phòng Đăng ký kinh doanh)	317.000.000
24	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh	270.000.000
25	Kinh phí thực hiện 7 đề tài Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	3.771.000.000
26	Kinh phí Đăng	150.000.000
27	Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho CC, VC, NLĐ	7.037.000.000
28	Ban Chỉ đạo 167	1.924.000.000
29	Mạng lưới báo giá và Tổ công tác liên ngành về giá	194.000.000
30	Hội đồng Thẩm định giá đất TP	2.306.000.000
31	KP Hội đồng định giá TS thường xuyên trong tổ tụng hình sự TP	994.000.000
32	KP tiêu hủy tài sản xác lập sở hữu toàn dân tại STC	261.000.000
II	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	664.000.000
1	Kinh phí chương trình Xúc tiến đầu tư (Mã chương, loại, khoản: 418-280-338)	664.000.000
III	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (hạng mục CNTT 100-103)	769.000.000
1	Nâng cấp phần mềm Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể	243.000.000
2	Nâng cấp phần mềm quản lý nghiệp vụ Kinh tế đối ngoại	162.000.000
3	Triển khai Hệ thống dùng chung của Bộ Tài chính	121.000.000
4	Nâng cấp phần mềm hỗ trợ doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh; kết nối, đồng bộ dữ liệu hộ kinh doanh, hợp tác xã với Cục Đăng ký kinh doanh; đồng bộ trực kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ngành.	243.000.000
IV	Nguồn Cải cách tiền lương	91.466.000.000
1	Tinh giản biên chế	4.083.000.000
2	Quỹ khen thưởng 10%	4.923.000.000
3	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ27/HĐND: hệ số 1.5: $2.072,5 \times 2.340.000 \times 1,5 \times 12 + 41 \times 3.000.000 \times 12$	82.460.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Chi cục Tài chính doanh nghiệp

Mã số: 1074252

Mã KBNN nơi giao dịch (Kho bạc nhà nước Quận 3)

Chương: 418 - Loại: 460 - Khoản: 341

(Đính kèm Quyết định số 1514/QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	20.607.520.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.887.720.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	9.377.720.000
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
	- Kinh phí cho công tác thi đua khen thưởng	54.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	2.510.000.000
	Trong đó: Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	200.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.719.800.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	1.480.800.000
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	7.239.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Chi cục Tài chính doanh nghiệp

Mã số: 1074252

Mã KBNN nơi giao dịch: 0112

Chương: 418 - Loại: 460 - Khoản: 341

(Đính kèm Quyết định số 1514 /QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	Chi quản lý hành chính	8.719.800.000
I	Chi quản lý hành chính: Loại 340 - khoản 341	1.480.800.000
1	Hội đồng xếp loại DN	162.000.000
2	Trợ cấp thôi việc	300.000.000
3	Sửa chữa TSCĐ, máy móc thiết bị	324.000.000
4	Mua sắm TSCĐ	171.720.000
5	Kinh phí công tác giám định tư pháp lĩnh vực kế toán tài chính doanh nghiệp	48.600.000
6	Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND	403.200.000
7	Kinh phí tham dự họp liên quan đến Đề án phát triển kinh tế nhà nước của Chính phủ và các cuộc họp và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	71.280.000
II	Nguồn Cải cách tiền lương	7.239.000.000
1	Quỹ tiền thưởng 10% (quỹ lương không phụ cấp)	610.000.000
2	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND: hệ số 1,5	6.629.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp

Mã số: 1131374

Mã KBNN nơi giao dịch: 0143

Chương 418 Loại 280 khoản 338

(Kèm theo Quyết định số 1514/QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.472.000.000	
	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	9.472.000.000	
1	Kinh phí thường xuyên	0	0
	- Chi từ ngân sách Thành phố		
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố		
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	0	
2	Kinh phí không thường xuyên	9.472.000.000	-
	- Chi từ ngân sách thành phố	4.629.000.000	
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0	
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	4.843.000.000	
	Trong đó: + Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	232.000.000	
	+ Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND	3.518.000.000	
	+ Chi từ nguồn cải cách tiền lương TP (chi chênh lệch lương)	1.093.000.000	
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp

Mã số: 1131374

Mã KBNN nơi giao dịch: 0143

Chương 418 Loại 280 Khoản 338

(Đính kèm Quyết định số 1514/QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	5.346.000.000	
I	Sự nghiệp Kinh tế	1.596.000.000	
1	Đào tạo khởi sự kinh doanh cho DNNVV	405.000.000	
2	Hỗ trợ tư vấn cho DN siêu nhỏ do nữ làm chủ, DN siêu nhỏ nữ, DN sử dụng nhiều lao động nữ và DN siêu nhỏ là DN xã hội	97.000.000	
3	Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND Thành phố HCM:	1.094.000.000	
II	Chi từ nguồn CCTL	3.750.000.000	
1	Quỹ tiền thưởng 10% (quỹ lương không phụ cấp)	232.000.000	
2	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND: hệ số 1,5	3.518.000.000	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm tư vấn đấu thầu và Hỗ trợ đầu tư
Mã số: 1106895
Mã KBNN nơi giao dịch: 0111
Chương 418 Loại 280 Khoản 332
(Kèm theo Quyết định số 1514/QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	3.963.000.000	
1	Kinh phí thường xuyên	0	
	- Chi từ ngân sách Thành phố		
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố		
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị	0	
2	Kinh phí không thường xuyên	3.963.000.000	
	- Chi từ ngân sách thành phố	1.152.000.000	
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0	
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	2.811.000.000	
	Trong đó: + Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	132.000.000	
	+ Kinh phí Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND	2.022.000.000	
	+ Chi từ nguồn cải cách tiền lương TP (chi chênh lệch lương)	657.000.000	
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm tư vấn đấu thầu và Hỗ trợ đầu tư

Mã số: 1106895

Mã KBNN nơi giao dịch: 0111

Chương 418 Loại 280 khoản 332

(Kèm theo Quyết định số 1514/QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	2.154.000.000	
1	Quỹ tiền thưởng 10% (quỹ lương không phụ cấp) theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	132.000.000	
2	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND: hệ số 1,5	2.022.000.000	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Đính kèm Quyết định số 15/4 /QĐ-STC ngày 22 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Sở Tài chính	Chi cục Tài Chính doanh nghiệp	Trung tâm xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp	Trung tâm tư vấn đầu thầu và Hỗ trợ đầu tư
A	B	1	2	3		
	Tổng chi ngân sách	425.861.520.000	391.819.000.000	20.607.520.000	9.472.000.000	3.963.000.000
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	410.993.520.000	390.386.000.000	20.607.520.000		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	143.212.720.000	131.325.000.000	11.887.720.000	0	0
	- Chi từ ngân sách thành phố	110.741.720.000	101.364.000.000	9.377.720.000		
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0	0	0		
	- Kinh phí cho công tác thi đua khen thưởng	603.000.000	549.000.000	54.000.000		
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	32.471.000.000	29.961.000.000	2.510.000.000		
	Trong đó: Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	1.100.000.000	900.000.000	200.000.000		
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	267.780.800.000	259.061.000.000	8.719.800.000		
	- Chi từ ngân sách thành phố	169.075.800.000	167.595.000.000	1.480.800.000		
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0	0	0		
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	98.705.000.000	91.466.000.000	7.239.000.000		
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	0	0		
II	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	14.099.000.000	664.000.000	0	9.472.000.000	3.963.000.000
	Kinh phí xúc tiến đầu tư (Mã chương, loại khoản: 418-280-338)	14.099.000.000	664.000.000	0	9.472.000.000	3.963.000.000
1	Kinh phí thường xuyên	0	0	0	0	0

	- Chi từ ngân sách Thành phố		0				0	0
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố		0				0	0
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị		0					
2	Kinh phí không thường xuyên		14.099.000.000	664.000.000	0	9.472.000.000	3.963.000.000	
	- Chi từ ngân sách Thành phố		6.445.000.000	664.000.000		4.629.000.000	1.152.000.000	
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố		7.654.000.000	0	0	4.843.000.000	2.811.000.000	
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị		0	0				
III	Kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ) - (Mã chương, loại khoản: 418-100-103)		769.000.000	769.000.000	0	0	0	0
I	Kinh phí thường xuyên		0	0				
	- Chi từ ngân sách Thành phố		0	0				
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố		0	0				
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị		0	0				
2	Kinh phí không thường xuyên		769.000.000	769.000.000				
	- Chi từ ngân sách Thành phố		769.000.000	769.000.000				
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách Thành phố		0	0				
	- Chi từ nguồn CCTL tại đơn vị		0	0				
III	Mã số đơn vị sử dụng NSNN			1074013	1074252	1131374	1106895	
IV	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (TABMIS)			0111	0112	0143	111	